

**DOÃN DÂN**

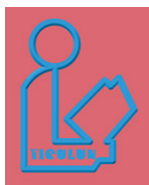
*truyện ngắn*

# **TIẾNG GỌI THẦM**



# Tiếng gọi thầm

## Doãn Dân



Paris \* 01-2026

**Nguồn : *vantholacviet.com***  
**Ebook : *Thư viện Tiểu Lùn***

**Tiếng gọi thầm**

**DOÃN DÂN**

**TÂN VĂN số 49**

**Saigon \* 05-1972**



**H**iệu cho rằng sự chán nản bắt đầu từ nửa khuya hôm đó. Một sự chán nản đến rất tình cờ, đường đột, gần như vô lý. Vậy mà nó lại nằm ỳ, bám sát lấy tâm trí Hiệu, không sao xua gạt được, khiến cho những ngày kế tiếp của chàng hóa thành vô vị. Chàng thấy tiêu tan mọi niềm hứng khởi: những ngày sau đó nơi đất lạ chỉ còn là một chuỗi ngày sống trong nôn nao, khắc khoải. Chàng bồn chồn, nôn nóng như một kẻ ngồi ở chỗ hẹn, quá giờ đã lâu, vẫn không thấy người yêu tới.

Về sau nghĩ lại, Hiệu vẫn không nắm chắc được cái nguyên nhân chính xác nào đã khơi ra trong lòng chàng nỗi chán nản. Nó chấp chới, mơ hồ quá sức. Có lúc Hiệu nghi là chính mình đã tự tạo ra niềm ngao ngán, chứ không phải vì ngoại cảnh. Tính đến nửa đêm hôm đó thì là vừa đúng ba tuần, kể từ ngày chàng đặt chân đến cái thành phố xa lạ ấy. Nghĩa là Hiệu đã trải qua hai mươi một ngày, hai mươi một đêm trên một đất nước không phải quê hương xứ sở mình. Gần ấy ngày đêm tiếp xúc với một hoàn cảnh hoàn toàn lạ lẫm, sao trong con người Hiệu lại không nảy ra một phản ứng nào? Tại sao lại phải đợi đến nửa khuya hôm đó, từ trong lòng chàng mới vụt bùng lên một niềm ngao ngáo?

Vậy thì đêm ấy hẳn là phải có cái gì đặc biệt. Đặc biệt hơn những đêm khác. Có gì đặc biệt? Hiệu ôn lại từ đầu, từ buổi tối.

Buổi tối, như mọi hôm, cả bọn ăn cơm xong (cơm ở đây là soupe, bánh mì, fromage, bifteck v.v...) thì đã quá chín giờ. Một số anh em tràn sang câu lạc bộ, ngồi nhấm nháp ly café, xem ti vi, nghe nhạc, nói chuyện gẫu với mấy người bạn ngoại quốc. Số khác gọi taxi, bắt phố. Hiệu và bốn, năm người còn lại, trở về dãy nhà dùng làm phòng ngủ dành riêng cho các khóa sinh du học, ở phía cuối sân, bên sườn đồi, chung quanh cây cối um tùm. Đến giờ này trời ở đây bắt đầu mát. Thời tiết nhẹ nhàng, dịu dịu. Bầu không khí êm ả, dừng lại lửng

lơ giữa hai trạng thái ấm, lạnh: ấm thêm một chút, trời trở thành nóng; mát thêm chút đỉnh, trời ngả sang lạnh. (Đi ra ngoài có thể mặc độc chiếc áo cụt tay vẫn thấy dễ chịu. Nhưng, nếu khoác trên mình bộ com-lê, cũng không cảm thấy nực nội, bứt rứt như ở bên nhà, ở Sài Gòn) Như những buổi tối không đi chơi, Hiệu và mấy người, họp nhau lại, ngồi thành hàng trên bức tường thấp ngoài hành lang, nói chuyện lảng nhãng (những câu chuyện vãn vơ, lộn xộn: chuyện các môn học thuộc ngành chuyên môn; chuyện thời sự; chuyện mua sắm, buôn bán; chuyện chơi bời nhảm nhí), Thường, Hiệu vẫn không ưa những loại chuyện như vậy. Nhưng không tối nào chàng không có mặt, tham dự vào cuộc

tán nhảm của nhóm bạn bè. Ở bên nhà, quanh năm, suốt tháng, nếu không lặn lội trong rừng, trên núi cũng phải lo thiết lập, sửa sang hệ thống phòng thủ nơi doanh trại, đêm đêm đi kích v.v.. nhật ra được một khe hở của thời gian để có thể « đấu láo » với nhau cho thật yên tâm, thoải mái, là một điều quá khó. Sang đến đây, Hiệu đột nhiên có quá nhiều thì giờ nhàn hạ: mỗi ngày, từ 4 giờ chiều trở đi, thì giờ là hoàn toàn của chàng, thuộc hẳn về chàng. Ấy là chưa kể thứ bảy và chủ nhật, được nghỉ trọn ngày. Hiệu tha hồ sử dụng, vung vít. Hồi mới sang, chàng hoa mắt trước số thì giờ quá ư thừa thãi của mình. Chàng ngỡ ngàng một cách sung sướng giữa số thì giờ quá sức dư dả. Chàng đâm ra lúng túng, không

biết nên dùng nó vào việc gì cho hết. Những ngày đầu, sau giờ tan học, chàng cùng mấy người bạn kéo nhau ra phố, hoặc để mua dăm ba món đồ lạ, quý, bên nhà không có (hay có nhưng đắt hơn nhiều) hoặc chỉ để ngắm người, ngắm cảnh, quan sát lề lối sinh hoạt, phong tục, tập quán của dân xứ người. Nhiều buổi chiều chàng đi lang thang, phát phơ từ phố nọ qua phố kia, hết đường này sang đường khác mà không có ý định nào rõ rệt. Chàng đi khơi khơi, vô ích như cốt tiêu phí đi ít thì giờ thừa thãi để được thực sự cảm thấy mình đang hoàn toàn thanh thoi, nhàn hạ: chàng tự thưởng thức nỗi nhàn hạ của mình.

Lâu dần, những cuộc đi chơi

như thế trở nên nhàm chán, không còn lý do kích thích. Nếu không thực sự có việc cần thiết phải đi, sau khi tan học, chàng về thẳng chỗ ở, đọc sách báo, tắm rửa, nằm kên ra, hút thuốc... chờ giờ ăn cơm (bữa cơm chiều ở đây muộn hơn ở bên nhà: 8 giờ tối.) Buổi tối, lại ra hành lang... Những giờ phút rảnh rang của Hiệu, mấy lúc sau này đổ dồn cả vào những cuộc tán gẫu. Cuộc tán gẫu nhiều lúc đi quá xa, lạc ra ngoài những đề tài thuộc ngành chuyên môn, thời sự bên nhà, hội nghị Ba Lê v.v... lan man đến những phim ảnh nhảm nhí ai nấy đều đã xem qua, hồi mới tới. Có khi câu chuyện được các anh em dẫn dắt vào sâu hơn nữa. Người này vài đôi câu, kẻ kia dăm ba ý, cùng nhau thêm thắt, phanh

phui, soi mói vào cái khía cạnh... rất dễ làm người nghe và cả người nói, phải sượng sần, đỏ mặt. Mọi người xúm xít, rộn, cười, hể hả.

Đối với Hiệu, những câu chuyện như thế mới đầu gây cho chàng nhiều thích thú. Chúng hấp dẫn, kích thích. Về sau, chàng cảm thấy khó chịu: những lời nói bạo đạn, cách diễn tả khêu gợi của người kể chuyện dần dà mất hết hiệu lực, không gây nổi nơi trí tưởng tượng những hình ảnh quyến rũ, kích động lúc đầu. Những hình ảnh ấy một khi mất đi, những lời nói bỗng trở ra, hiện nguyên hình là những danh từ tục tằn, thô lỗ. Chúng như những con đom đóm chớp chớp, đảo qua, lướt lại trên không, giữa vùng bóng tối, trông hay hay, đẹp

mắt. Đến khi tóm được, nắm trong tay, nhìn kỹ, chúng chỉ là những con bọ hôi hám, bẩn thỉu.

Thế nhưng, tối tối Hiệu vẫn có mặt giữa đám bạn bè, cùng dự với họ những mẩu chuyện vui vui, bậy bạ. Chưa lần nào chàng dứt khoát bỏ được vào phòng trước khi câu chuyện đến hồi tẻ nhạt, mọi người bắt đầu buồn ngủ. Chàng ở nán lại đến lúc mọi người tản ra, ai nấy trở về phòng mình. Bây giờ Hiệu mới cảm thấy nhẹ nhõm, khoan khoái, tuồng như vừa rồi có người đã buộc chàng phải chịu đựng quá lâu một điều vô lý. Những lần như thế, Hiệu tự biết, hồi gần đây, chàng ra góp chuyện mỗi buổi tối với anh em thì không còn vì thực chất của câu chuyện, mà chỉ là vì

cái bầu không khí bao bọc chung quanh câu chuyện; vì sự hồn nhiên cởi mở của nhóm bạn bè. Ngoài ra, cũng phải kể đến lý do thuộc về riêng Hiệu: chàng tiếp tục duy trì cái dịp hoang phí thì giờ một cách vô tội. Chàng như một người đã phải nhịn thèm nhịn nhạt quá lâu, đến nay đột nhiên được ăn món mình ra thích, mặc dầu bụng đã no, vẫn còn tiếc rẻ, ngồi nán lại, nhấm nháp lai rai, vót vát thêm vài ba miếng.

Buổi tối hôm ấy, Hiệu bỏ về phòng sớm hơn mọi ngày. Lúc đó vào quãng 10 giờ. Chàng tự dừng cảm thấy hăng hái, muốn viết lá thư gửi về bên nhà (lá thư mà từ hôm sang đây, chàng tự khất lần khất lứa mãi, đến nay vẫn chưa viết

được). Người bạn ở chung phòng với Hiệu, chưa đi ngủ. Lúc chàng bước vào, anh ta đang ngồi ở mép giường, cầm cúi ghi chép bên chiếc table de nuit kê giữa giường anh ta và giường Hiệu. Ngọn đèn trên mặt bàn ngủ tỏa ra lớp ánh sáng màu hồng nhạt, vẽ một vòng tròn rộng. Chung quanh chỗ anh ta ngồi, ánh sáng rục lên. Phần còn lại của căn phòng, ánh sáng mờ hơn, có thể đọc sách, báo mà không bị chói mắt. (Chàng vẫn thích thứ ánh sáng của loại đèn này: nó không lộ liễu, chói chang một cách bạc nhược như ánh sáng của đèn néon. Trái lại, nó hợp với màu xanh dịu của bốn bức tường, làm cho căn phòng trở nên ấm áp. Từ ngoài nhìn vào, căn phòng mang một vẻ rục rở, sang trọng mà dịu dàng, kín đáo.)

Hiệu lên tiếng, hỏi cho có chuyện:

– Mua được món gì chưa, Đáng?

Cây bút trên tay anh bạn bỗng ngừng lại. Đáng ngược nhìn lên, ngơ ngác: anh ta chưa thoát kịp khỏi những ý nghĩ trong đầu. Vài giây sau, hiểu ra câu hỏi của Hiệu, Đáng nhoẻn cười chống chế cho sự ngơ ngác của mình. Anh ta đặt bút xuống bàn, thở một hơi dài, nói:

– Chưa, toa. Moa đang tính xem, nên mua món gì vừa nhẹ, vừa mất ít vốn, lại tương đối lời nhiều. Cả đời mới được sang đây một chuyến, phải tính chắc, lỗ một cái, hết có cơ hội gỡ lại. Phải không, toa?

Anh ta lại cười. Cặp kính cận lung linh, rung động. Mấy ngày nay, chuyện buôn bán bắt đầu xôn xao, sôi nổi. Mọi người vội vàng, hối hả. Giá cả, hàng hóa được loan truyền giữa các anh em, ở mọi nơi, trong mọi lúc. Giá hàng tràn vào các bữa ăn. Thậm chí, nhiều khi tràn cả vào lớp học: trong lúc huấn luyện viên giảng bài, cách anh em ngồi dưới, thì thầm trao đổi cho nhau ít kinh nghiệm vừa thu thập được, hoặc lặng lẽ tính toán, ghi chép, liệt kê các món cần mua, các loại đồ bên nhà khan hiếm...

Hiệu nhòaì người, với bao thuốc trên mặt bàn. Chàng vô tình trông thấy tờ giấy Đấng đương viết dở: vẫn lại ngồn ngang, đầy đặc những

con số. Mặc dầu không thạo chuyện buôn bán, chàng cũng nói:

– Kể thì tỉnh kỹ bao giờ cũng hơn. Tụi nó mua được nhiều chưa, toa?

– Cũng lai rai. Ít hôm nay, gần ngày về, các cu cậu bán lên, ào ào đi chọn hàng, mặc cả. Mấy thằng Chà Và, Ba Tàu biết ý, giấu nhem những món các cậu cần: giá hàng bỗng dưng tăng vọt. Mẹ kiếp! Tụi Tàu, Chà Và ở bất cứ chỗ nào cũng khôn như chó Tây. Điều này có lẽ mình dám phải đợi tụi nó mua hết, sát ngày về mới mua, may ra rẻ được chút đỉnh.

Đáng nói một hơi, ngừng lại. Đợi một lát không thấy Hiệu nói gì, anh ta lại cúi xuống, tiếp tục tính

toán một mình. Nét mặt anh ta dần dần nhuốm vẻ nghiêm trọng. Hiệu ngả lưng xuống giường, châm thuốc, hút. Chàng cảm thấy, khoan khoái. Gân cốt giãn ra, dễ chịu. Tấm nệm mousse bọc drap trắng, trũng hẳn xuống dưới sức nặng của thân hình Hiệu. Mỗi cử động nhỏ, chiếc giường đều mỗi rung rinh, nhún nhẩy. Ý định viết thư, một lần nữa lại như một làn khói mỏng loãng ra, bay dần ra cửa. Dẫu là Quỳnh cũng không lấy lại được chút hăng hái vừa rồi. Một cái giường êm ái quá đôi khi làm hỏng nhiều ý định. Hiệu nhắm mắt lim dim, tự bảo: « Để dành, lần sau viết bù, viết một hơi, chục cái. » Và chàng mỉm cười, tự chế giễu mình. Chàng nhận thấy mình không có đủ cương quyết để thực hiện ngay bất

cứ việc gì. Một ý kiến hay hay, bất ngờ nảy ra trong óc, chàng hăng hái muốn bắt tay vào việc. Nhưng, chỉ một khó khăn nhỏ chặn chàng đứng lại lúc khởi đầu, thế là chàng đâm nản chí. Chút hăng hái nhạt dần, thun lại. Chàng chần chừ, nấn ná rồi cuối cùng, tự cho phép mình bỏ cuộc; tự hẹn với mình một dịp « húng » khác. Cứ thế, Hiệu bỏ dở nhiều ý định. Chàng vừa băn khoăn, khó chịu về tính lười biếng, nhu nhược của mình vừa chiều theo nó. Nhiều khi, quãng thì giờ chàng phải chịu đựng nỗi khó chịu, sự ân hận, lâu hơn cả khoảng thời gian chàng có thể hoàn tất công việc một cách gọn gàng, chu đáo. Tuy vậy, Hiệu vẫn bằng lòng, chịu để cho nỗi băn khoăn, thắc thỏm dày vò, âm ỉ trong lòng. Bắt tay

vào việc? Ngại vô kể. Chàng chỉ có đủ can đảm bắt tay vào những việc gì có tính cách bắt buộc, hoặc nếu không « bắt tay », khó có cơ hội gặp lại. Chàng buồn vì nhận thấy, từ hôm sang đây, tinh thần mình mỗi ngày mỗi suy nhược trong khi thể xác mỗi lúc mỗi bị những tiện nghi vật chất làm cho trì trệ, biếng nhác. “Hồng! Cứ cái điệu này, nếu ở luôn đây, mình đến phải đi kiếm một cây sung, tới nằm dưới gốc, há sẵn mồm, chờ nó rụng...” Chàng tự rửa thâm. Và vẫn nằm yên, thoải mái.

Như thế, một lá thư, dù để gửi cho Quỳnh cũng vẫn không có gì bắt buộc được chàng phải viết vào giữa cái lúc đang nằm trên một tấm nệm quá êm, trong bầu không

khí dịu dàng, êm ả. Hoàn cảnh rõ ràng là chỉ thích hợp cho mỗi một việc: thưởng thức sự yên nghỉ, thanh thoi của thể xác mình. Viết thư? Còn khối dịp, viết lúc nào chả được. Bây giờ... hãy tạm tha thứ cho cái giường êm ái.

Từ phía bên kia, có tiếng anh bạn:

– Ê toa. Hồi chiều, anh Thiếu tá Sửu nhà mình đưa ra một sự so sánh giữa hai phương pháp làm việc của người Anh và người Mỹ, toa có thấy là thất sách không?

Hiệu quay sang anh bạn. Câu hỏi bất ngờ làm chàng ngơ ngác. Đáng luôn luôn có lối nói chuyện kỳ quặc: từ chuyện nọ anh bắt qua

chuyện kia, không hề có sự báo trước.

Phải vài phút sau Hiệu mới hình dung lại được quang cảnh buổi học hồi chiều. Chàng trả lời lấp lửng:

– Kể thì không nên.

– « Không nên » thì đã hẳn. Nhưng toa thấy thế nào?

Hiệu lại quay nhìn anh bạn. Lần này chàng nhìn hơi lâu như muốn kiểm xem, cái gì đã khiến anh ta, thành linh quan tâm tới ông Sửu. Vẻ mặt sốt sắng của Đa1ng, báo cho chàng biết, chàng khó giữ được thái độ lửng lơ. Hiệu lại quay đi, nằm im, nhìn trần nhà. Suy nghĩ một lát, chàng nói:

– Mỗi dân tộc sống trong một hoàn cảnh lịch sử khác nhau; trình độ văn hóa khác nhau, và ngay cả những nguyên nhân tạo thành nền văn hóa đó cũng khác nhau nữa. Thôi thì mỗi nét, xét cho cùng đều thấy có chỗ khác nhau. Do đó, lẽ lối suy luận, cách nhìn vấn đề, phương pháp làm việc v.v... hẳn nhiên là phải có nhiều dị biệt. Dị biệt không có nghĩa là bắt buộc bên này phải có những nét hay ho, tốt đẹp hơn phía bên kia. Ai dám bảo, một bông hoa Hồng thì đáng quý hơn một bông hoa Sen? Yêu hay ghét, chẳng qua chỉ là tùy theo cảm quan của mỗi người. Mỗi bông hoa, tự nó không có gì ngụ ý nói lên một lời kêu gọi, một sự nhả nhủ, nên yêu hay nên ghét nó. Cho nên, một mực bênh vực cho phía

bên này, mặt sát phía bên kia, là một việc làm nông nổi, thiếu chín chắn. Ấy là còn chưa kể đến vấn đề lịch sự. Bọn mình ở vào thế kẹt: chịu nhận học bổng của người Mỹ để đến một nơi do người Anh huấn luyện. Chúng ta mang ơn cả hai phía. Chúng ta không nên vượt quá vai trò những kẻ chịu ơn, nếu xét ra chưa cần thiết. Trường hợp ông Sửu chiều nay, kể thì hơi quá. Người Anh họ tự tin, kiêu ngạo. Ông Sửu lại thiếu tế nhị. Chắc toa cũng để ý phản ứng của me-sù Collier?

– Cái đó dĩ nhiên. Sao không? Trong khi lão Sửu gân cồ lên cãi, ông ta chỉ cúi đầu, cười tủm tỉm, thỉnh thoảng ngừng lên, đưa mắt nhìn lão Sửu một cái, lại cúi xuống,

cười tủm tỉm... đều không tả! Thái độ bình tĩnh, tự tin mà mỉa mai, ngạo mạn... Thú thực, nếu là lão Sửu, moa không chịu nổi một cái cười như thế! Nó rất gần với nụ cười của một người lớn đứng trước một đứa trẻ con quá sức ngây ngô, tối dạ mà lại cố tình làm ra ta đây khôn ngoan, hiểu biết: Sẵn sàng tha thứ đấy, nhưng trong thâm tâm không khỏi có sự khinh thường, rẻ rúng. Đều chứ, toa?

Hiệu cười:

– Toa diễn tả cũng hơi quá. Làm gì đến nỗi vậy . Moa thấy me-sù Collier rất là hòa nhã.

– Hòa nhã chứ sao! Chết ở cái chỗ hòa nhã ấy đấy. Moa nhớ như in câu trả lời của ông ta: Chúng tôi

rất tiếc không thể trình bày trước quý vị về phương pháp làm việc của bất luận quốc gia nào. Vì, ngoài cái lẽ, chúng tôi tin tưởng và tôn trọng tầm hiểu biết sâu rộng của quý vị, chúng tôi còn thiết nghĩ, trước khi đặt chân đến đây, chắc quý vị đã rõ, quý vị sẽ cùng làm việc với người bạn nào của quý vị... Rõ ràng là một lời nói châm chọc mà khôn ngoan; lịch sự mà vẫn tỏ được cái ý tự cao, kín đáo... Ghê chứ, toa?

Hiệu nhìn anh bạn. Giọng Đàng dẫn mạnh lên tiếng « ghê », như một bàn tay chặt xuống bất ngờ. Cổ anh vươn dài ra, chỗ về phía Hiệu. Mặt anh vênh lên trong một dáng điệu cật vấn, đòi hỏi một câu trả lời thích đáng, một phản ứng mạnh mẽ, tương xứng với ý kiến

anh vừa diễn tả. Đôi mắt Đáng mở to sau cặp kính trắng lung linh, dày cộm, chiếu thẳng vào mắt Hiệu. Khuôn mặt dài, nhỏ, xương xương của anh, toát ra nhiều nét tinh ranh láu lỉnh. Căn phòng bỗng dung nhuốm một vẻ nghiêm trọng. Hiệu bật diêm châm thuốc để tránh trả lời. Thực ra, chàng không thấy có gì đáng «ghê» trong thái độ của vị Trung tá già người ngoại quốc. Điều đáng «ghê» có lẽ lại ở cả nơi anh bạn. Hiệu nhận thấy, sự bộc lộ nào của anh cũng đều tỏ ra thái quá, vượt lên trên sự thật. Chàng không lấy làm lạ khi chứng kiến Đáng tham dự một cách đầy nhiệt tình, hăng hái trong bất cứ vấn đề gì, quan trọng hay không quan trọng. Anh hăng say trong chuyện buôn, chuyện bán, chuyện chính

trị, văn chương và ngay cả trong chuyện chơi bời, nhăng nhít. Anh muốn lẫn xả vào mọi vấn đề. Qua cách diễn tả của anh, mọi chuyện đều hóa thành quan trọng, đều rất nên lưu ý. Những lời nói huênh hoang, những cử chỉ hùa theo quá mức của anh, vẽ vờ, tô điểm chung quanh câu chuyện, khoác cho nó một tầm quan trọng thực ra nó không có. Tuy vậy, người nghe thích thú theo dõi anh, bị anh thu hút, lôi kéo. Đến khi anh ngừng lại, đưa mắt nhìn mọi người, bấy giờ mọi người mới chột ngờ ngàng, chưng hửng, có cảm tưởng mình bị mắc lừa một cách thú vị. Như khi ta xem một người làm trò ảo thuật: một cái khăn tay biến hóa khôn lường, thành ra muôn hình vạn trạng. Khi thì là một cái dù;

khi là cả một tấm vải được nuốt vào bụng, lúc lôi trở ra, kéo dài vô tận; khi khác, có thể lại chỉ là một bông hoa xinh xinh, nhỏ xíu... Kịp đến khi màn trình diễn chấm dứt, người diễn trò nhoẻn cười, cúi chào khán giả, tay giơ lên, phát phát cái khăn không to hơn mặt cái ghế đầu, mọi người mới chột nhìn ra: nó vẫn chỉ là một cái khăn tay bằng vải, màu trắng, tầm thường, không có gì đặc biệt.

Hiệu tự biết, mình không có được cái hăng say ấy. Chàng như lượn lơ, lảng vảng chung quanh mọi chuyện ở đời. Chàng không dứt khoát thiết tha với một chuyện gì nhất định. Do vậy, giữa lúc mọi người nôn nao, xông xáo vào mọi vấn đề; có ngay được một phản

ứng cấp thời trước mỗi sự việc, thì Hiệu lại chỉ âm thầm, dò dẫm một mình. Chàng nhẩn nha, chậm chạp, bị rớt lại ở phía sau, lẻ loi, đơn độc. Và chàng mẩn mò, hí hoáy trong nỗi đơn độc của mình. Như một đứa trẻ, không biết làm bạn cùng ai, thui thủi đùa rỡn với chính cái bóng của mình, ở một góc nhà hiu quạnh.

Đợi đã lâu, không thấy bạn trả lời, Đáng lên tiếng, nhắc:

– Sao, toa? Toa nghĩ thế nào về thái độ đó?

Hiệu quay lại:

– Thái độ nào?

– Của me-sù Collier.

Chàng « à » một tiếng nhỏ. Chàng khó chịu, đồng thời hơi ân hận: Đáng đã bám chàng quá lâu và vẫn kiên nhẫn đợi Hiệu trả lời. Nằm im một lúc, chàng chậm rãi nói với anh bạn:

– Như thế, rõ ràng là me-sù Collier nhắm vào ông Sửu, vào chung cả bọn mình, không phải vào nơi phương pháp làm việc của người Mỹ. Thế cũng có lý. Bởi vì, theo moa, lỗi là ở cả nơi ông Sửu. Khi đã không hiểu một vấn đề gì cho thật đến nơi đến chốn, thật thấu đáo, tường tận thì không nên trình bày vấn đề đó ra, nhất lại là để so sánh. Làm như vậy, vô tình mình khiến cho vấn đề trở thành nông cạn, nghèo nàn. Người nghe nếu chỉ nhìn và hiểu sự việc theo

lời người đó trình bày, chắc chắn không tránh được sự hiểu lầm. Chẳng khác nào, khi muốn triển lãm một con voi, ta lại chỉ trưng ra độc có cái vòi: con voi của ta bị giản lược hóa đến độ trở thành lỗ lảng, vô nghĩa. Trường hợp ông Sửu chiều nay chẳng hạn. Moa thấy sự hiểu lầm có phần tai hại. Toa đồng ý không?

Hiệu hơi nghiêng đầu trên gối, chăm chú nhìn anh bạn. Sợi khói từ đầu điếu thuốc trên tay chàng vươn lên, vòng vèo, mềm mại, rồi mảnh dần, tự tan mất dạng. Đáng chớp mắt mấy cái, vể nghĩ ngợi, tuồng như những lời Hiệu vừa nói vẫn còn đè nặng lên tâm trí anh ta. Anh ta nhìn lơ đãng tờ giấy dưới mặt bàn, giờ tay mò tìm hộp thuốc

ba số năm (555), rút một điều, thông thả gắn lên môi. Nấp cái bật lửa Zippo mở ra, nghe « canh » một tiếng trong, cao và thật nhẹ như một ngón tay gõ khế lên sợi dây đàn.

Sau khi rít một hơi thuốc dài, nhả khói mù mịt, Đáng nói, không nhắm thẳng ý Hiệu:

– Mẹ! Moa thấy cái lão Sửu thối không tả! Đúng là một con chim đại làm hại đàn chim khôn. Đã vậy, mặt lúc nào cũng lăm lăm, lì lì, khinh khỉnh, ra cái điều ta đây « thượng cấp ». Mẹ kiếp! Ở bên nhà thì còn tạm được. Ở đây, giữa một hoàn cảnh không dính líu gì đến nhà binh, cấp bậc, hân cũng chỉ là khóa sinh, mà lại là khóa sinh tồi,

cái thái độ đó có vẻ lạc lõng, lơ bịch, dị hợm... Thú thực, moa « ngửi » không được. Toa biết cái thái độ ấy đưa đến hậu quả nào không?

Anh ta ngừng lại, hướng cặp mắt tỉnh quái về phía Hiệu, hốt thúc chàng trả lời. Thế nhưng, Hiệu chưa kịp nói gì, Đáng đã lại cười, tự trả lời câu hỏi của mình:

– Cóc thằng nào thèm chơi với hần! Một hôm cu cậu nổi hứng, muốn đi chơi bời, cu cậu sợ tốn tiền taxi, tiền uống, tiền puốc-boa, lại cóc biết chỗ, cu cậu mon men đến làm quen thằng Hải, rủ nó đi cùng. Nó gạt phắt rồi đem chuyện phổ biến tùm lum. Cu cậu mất mặt, căm thằng Hải lắm. Căm thì căm, làm chó gì được, phải không toa?

Về bên nhà, mỗi đứa đông một phương, sức mấy thẳng nào trù được thẳng nào. Phải không, toa?

Hiệu giữ im lặng. Như thế là chàng đã vô tình hắt sang anh bạn một nỗi hằn học; đánh thức nỗi khó chịu của anh ta về ông Sửu. Chàng thâm hiểu, câu chuyện sắp chuyển sang hướng khác, hoàn toàn nhằm vào ông Sửu. Mỗi khi có dịp nhắc đến ông ta, Đáng không kim được vẻ tức bực, dằn hắt. Hiệu nghe phong thanh, hồi mới sang, hai người có chuyện xích mích với nhau về vấn đề buôn bán. Chàng cũng đồng ý với những nhận xét của Đáng, nơi ông Sửu. Chàng đồng ý, ở ông, từ dáng người loắt thoắt bé nhỏ, từ nét mặt lì lì, cái đầu to quá cỡ so với thân mình, đôi má hóp, cặp

mắt sâu... tất cả thấy như tỏa ra một vẻ nhỏ nhen, ti tiện. Mỗi tiếng ông nói ra là mỗi cau có, gắt gỏng, mất cảm tình. Một ông Sửu như thế, hẳn nhiên là không có gì bắt buộc, chàng phải tung tiu, yêu quý; càng không có gì bắt buộc, chàng phải bênh vực ông ta. Tuy vậy, lúc này chàng không thích phải nghe chuyện đôi co. Chàng không thích phải bận tâm vì những loại chuyện đâu đâu như vậy. Ở bên nhà, những chuyện như thế đâu có hiếm gì. Chàng chứng kiến quá nhiều; nghe phát ngán. Sang đến đây, Hiệu muốn quên hết. Quên hết những lo lắng, kèn cựa để được sống trong thanh thản hoàn toàn, như một người vừa mới tắm xong, thích ở một nơi thoáng khí, không vương bụi bặm. Hiệu đã tự hẹn, những

ngày lưu lại nơi đây, chàng sẽ tự cho phép mình sống một cuộc sống hết sức khời khời, nhàn nhã, sống như một người thất nghiệp nhưng vẫn còn tiền, có thể bình tâm ăn chơi ít bữa, chưa cần lo tới việc làm.

Hiệu nhồm người, dụi mẩu thuốc vào chiếc đĩa gạt tàn trên mặt bàn ngủ. Câu nói không được hưởng ứng làm nét mặt Đáng dịu lại, bớt vẻ tức tối. Nhưng, Hiệu vừa nằm xuống trở lại, bỗng lại có tiếng anh ta:

– Ê toa. Toa còn nhớ, ngày hôm đặt chân đến đây, anh Sửu dặn đi dặn lại về số va-li mỗi người được quyền mang về nước không?

Hiệu miễn cưỡng:

– Nhớ.

– Bao nhiêu?

– Hình như tối đa là hai cái.

Đáng bỗng chỉ thẳng ngón tay về phía Hiệu, chồm người tới trước, kêu lên như chột bắt gặp điều gì ghê gớm:

– Đó! Vấn đề là ở chỗ đó! Tại sao lại chỉ hai cái? Tại sao?

Hiệu im lặng. Anh ta hạ cánh tay xuống, nhắc lại:

– Toa biết tại sao không?

Giọng chàng vẫn từ tốn:

– Có lẽ vì vấn đề vận chuyển quá mức đó, có thể gây trở ngại, máy bay mang không nổi. Vả lại,

cũng phải kể đến vấn đề quan thuế khi tới bên nhà...

Đáng lắc đầu, chậm rãi lắc đầu suốt lúc nghe Hiệu nói. Mối anh ta hơi bĩu ra chút xiu, vẻ thương bại, giễu cợt. Khi Hiệu nói xong, anh ta « xùy » một tiếng ngắn:

– Nhầm! Toa nhầm! Toa ngây thơ lắm. Đấy rồi toa xem. Hôm này về, lão Sửu không có cả chục cái vali to tổ mẹ, toa cứ chặt đầu moa đi. Chặt cả “đầu lớn” lẫn... “đầu bé”. Chửi cha thằng moa cũng chịu.

Hiệu cười:

– Cám ơn hai cái đầu toa. Moa nghĩ, làm gì có chuyện đó. Từ hôm sang đây, chưa thấy hấn mua cái nào.

Đáng bống dưng nổi quạu:

– Toa cóc biết cái con chó gì thật! Dễ thường hần mua, hần phải trình lên toa chắc! Thừa với ông, người ta gửi luôn va ly cùng hàng hóa ở tiệm đấy ạ. Hôm về, chỉ việc thuê người chở thẳng ra phi trường thôi ạ. Hần sợ, nếu không ấn định trước số va-li, anh em mỗi thằng đều khuân cả chục cái, như hần, pi-lốt nó quăng cha nó hết xuống biển... Ông hiểu chưa? Ông đã « thông cảm » tâm địa chó má của « vị » Trưởng phái-đoàn-khóa-sinh-du-học chưa? Còn vấn đề quan thuế... Hôm chủ nhật vừa rồi, mỗi thằng đóng bốn chục đôn (40 dollars) cho thằng Toàn để làm gì, toa biết không? Khao tiếc các giáo sư hôm măn khóa à? Tiệc nấu bằng

gan trời à? Mẹ kiếp! Tụi nó chửi biết mấy. Có thằng còn đe, về bên nhà, trước khi trở lại đơn vị, nó sẽ tặng hẳn dăm ba cái bạt tai và nhờ hẳn trao lại một ít cho những « vị trưởng phái đoàn » các khóa sắp tới. Moa thấy rất ư là hợp lý. Phải như thế mới được. Toa đồng ý không?

Một lần nữa, Hiệu lại không trả lời anh bạn. Căn phòng bỗng dưng chìm trong một sự im lặng ngỗ ngàng. Những phát giác của Đáng mặc dầu không ảnh hưởng mấy may đến Hiệu, vẫn bắt chàng suy nghĩ. Chúng tự nhiên gieo vào lòng chàng một niềm ngao ngán, không sao tránh được. Hiệu như một người tình cò đi ngang căn nhà đang có đám ma: tiếng kêu

than, gào khóc trộn với tiếng trống, tiếng kèn từ trong nhà đó vẳng ra, thê lương, ai oán, khơi dậy trong lòng một nỗi buồn ngùi, xúc động. Nỗi buồn thật vu vơ mà thấm thía.

Thì ra, từ ít lâu nay, chung quanh chàng vẫn âm thầm xảy ra những chuyện đôi co, kèn cựa. Những cuộc tranh chấp, chèn lấn nhau, chàng tưởng chỉ ở bên nhà mới có, vẫn cứ lao xao, không ngớt trên cái đất nước xa lạ này. Tệ hơn nữa, những hằn học, xích mích ở đây lại chỉ là vì một mối lợi nhỏ, một chuyện buôn bán không lấy gì làm đáng hoàng, chính trực. Những vụ tranh chấp như vậy liệu có đóng góp phần nào vào nét tự ti mặc cảm của một giống nòi? Hiệu không tin, những loại chuyện đó

lại có thể lọt qua được cặp mắt của các người anh em nước bạn. Chàng không tưởng tượng nổi, họ sẽ nghĩ gì, một khi họ hay biết.

Từ hơn tuần nay, chiều chiều, sau khi tan học, về nhà, Hiệu hay thả bộ phát phơ trên những con đường chung quanh doanh trại (những con đường tráng nhựa đen bóng, thoai thoải bên sườn đồi, lượn khúc quanh co giữa những lùm cây rậm rạp. Hai bên đường trải dài những thảm cỏ rộng mênh mông xanh ngát, cắt xén công phu, mỹ thuật. Đây đó bên lề đường, thỉnh thoảng bày ra một cái sân đánh quần vợt, một bãi đánh golf). Vào những lúc đó, lâu lâu Hiệu lại thấy một chiếc taxi từ dưới chân đồi chạy lên, cuối cùng, ngừng lại

trong khu vực dành cho bọn chàng. Từ trên xe, khi thì hai, khi thì ba, bốn anh em bước xuống, kéo theo từng cái valy, thùng giấy to quá mức, xúm nhau, hì hục khiêng cất vào phòng. Lúc các anh bạn trở ra, mặt người nào trông cũng phờ phạc, mệt nhọc. Mồ hôi thấm ướt mảng áo sau lưng, rỏ xuống từng giọt từ trên trán, trên mặt. Hình ảnh có phần thảm thương tội nghiệp.

Bây giờ nhớ lại, Hiệu bỗng thấy những giọt mồ hôi trên mình các anh bạn lại cũng biểu lộ một tầm quan trọng: chúng trưng ra trước mắt người ngoại quốc một khía cạnh tâm lý, không phải của riêng một nhóm người nào, nhưng là của chung tất cả. Những người

vắng mặt, do đó, cũng phải chịu chung số phận. Những giọt mồ hôi chảy ra trong trường hợp đó, Hiệu thấy, dường như có gì liên quan, gần gũi với nỗi rứt rề, e ngại của các anh em, mỗi khi có dịp tiếp xúc, chuyện trò với người nước bạn. Dường như chúng cũng đóng góp hơi nhiều công sức trong việc làm cho xa cách nhau hơn, vị trí, tâm tình giữa hai dân tộc. Và phải chăng, chính chúng lại đã tạo nên nụ cười của vị Trung tá già, dành cho ông Sửu, hồi chiều?

Về phần Hiệu, suy đi nghĩ lại, chàng nhận thấy, quả thực, mình chưa bao giờ có được một sự ngang nhiên, tự tin, mỗi khi chuyện trò với người ngoại quốc. Chưa. Chưa bao giờ. Bởi vậy, chàng lảng xa,

tránh né mọi dịp tiếp xúc. Ở lớp học, chàng chọn một chỗ ngồi thật kín đáo, khuất lấp, tận góc phòng, đẩy bàn cuối. Về đến nhà, cơm nước xong, từ phòng ăn, chàng đi thẳng về chỗ ở. Trưa cũng như chiều, chưa một lần nào chàng thử ghé qua Câu lạc bộ Sĩ quan, hoặc tạt vào phòng giải trí. Đó là những nơi dường như không thích hợp, không thuận tiện cho những dáng người bé nhỏ; càng không thích hợp cho những dáng người bé nhỏ mà lại có quá nhiều mồ hôi! Dăm bảy lần, Hiệu có dịp đi ngang qua ngoài cửa, mặc dầu không có gì cấp bách, chàng cũng bước thật mau. Mau đến nỗi, khi sức nhận ra, chàng thấy mình vô lý: chàng đi chậm lại, cố giữ dáng điệu bình thản, bước đi một cách

bình thường. Và chàng cảm thấy nhột nhạt ở phía sau lưng.

Những lần ngang qua như thế, đôi khi Hiệu cũng liếc mắt nhìn thử vào trong. Qua những lá màn thật mỏng màu hồng nhạt treo ở lưng chừng các khuôn cửa sổ, phất qua phất lại hết sức nhẹ nhàng, Hiệu thấy cảnh trí nơi đây quá ư xa lạ với mình: gian phòng lớn - có lẽ quá lớn - bốn bức tường vươn cao, thẳng tắp; dưới nền, đá hoa sạch bóng (tường chừng, nếu có người vừa thay bộ quần áo mới, trắng bộp, cứ thế nằm lăn ra nhà, trở qua trở lại, lúc đứng lên, chưa chắc đã có một hạt bụi dính trên người); từ trên trần nhà, ngay chính giữa, một cái đèn lồng thật to, buông thõng xuống, ngừng

lại lưng chừng, chơi vơi, lơ lửng. Những ngọn đèn con, những chiếc tua, xanh, đỏ... kết thành những vòng tròn, vây chung quanh ngọn đèn lớn, trông như một chòm sao lấp lánh. Ánh sáng đủ màu tỏa ra, quện lẫn vào nhau làm thành một màn không gian không sáng, không tối, nhưng lại mờ mờ ảo ảo. Mọi vật bên trong như hư như thực, như được nhìn qua một giắc mơ nào. Đây đó nơi góc phòng, phía gần hành lang, dưới những khung cửa sổ, bày ra những bộ ghế bành sâu, rộng, bọc nhung, cải xanh cải đỏ. Chỉ mới trông qua đã có cảm giác thanh thoi, khoan khoái... Có lần, trong khi bước chân Hiệu vang lên rõ ràng, rành rọt bên ngoài, bên trong hầu như hoàn toàn im lặng. Chỉ có tiếng nhạc trầm trầm, dìu

đặt, không biết phát ra từ một góc nào khuất lấp trong phòng. Mọi người nói chuyện thì thầm, nho nhỏ, lác đác, rời rạc. Lúc đó chàng thấy bước chân mình sao mà vô duyên, lác lõng. Chúng càng kêu to, càng vô duyên lác lõng. Chúng như kêu gọi sự chú ý của mọi người, như cố tình khuấy rộn, quấy phá giờ phút nghỉ ngơi, êm ái của mọi người. Chàng vừa bước đi vừa hoang mang nhột nhạt, trong lòng nơm nớp lo ngại, chỉ e có người nào đó nhìn ra, thấy mình, sẽ lắc đầu, bĩu môi khó chịu. Cũng có lần, khi Hiệu ngang qua, bên trong ồn ào một cách êm ả. Những tiếng nói chuyện lao xao; tiếng cười rớt rì rầm, tự kết vào nhau thành một cái bè âm thanh trôi lướt lửng lơ, giữa khoảng không gian phẳng, mịn.

Thỉnh thoảng, một tiếng cười thật trong, cao, của một cô gái người Anh, bỗng tách rời ra, nổi bật lên trên đám xô xao ấy. Tiếng cười vang lên, ngân nga, mạnh dạn, phơi bày hết nỗi hân hoan, sáng khoái. Cái tiếng cười này quá sức ngang nhiên, xác xược: nó không coi ai ra gì; nó không xem bầu không khí dịu dàng, êm ả vào đâu; nó quá vững vàng, tự tin, không hề pha lẫn chút nào mặc cảm.

Một khung cảnh như thế, trước, sau, Hiệu vẫn không thấy có gì gần gũi, thân thuộc với mình; một tiếng cười như thế, đã ba tuần rồi, chàng vẫn chưa làm quen được.

Hồi mới sang, một hôm nhà trường tổ chức một bữa tiệc "chào

mừng các Sĩ quan du học". Hôm đó, Hiệu bị sắp xếp ngồi cạnh một vị Đại úy người Anh. Thế là suốt hai giờ liền, chàng phải chịu đựng một cảm giác bức dọc ngấm ngấm ở chính ngay trong lòng mình. Trong khi anh bạn thân nhiên cười, nói, kể cho chàng nghe những phong tục, nghi lễ, đặc tính của dân tộc anh; trong khi anh phát biểu những cảm tưởng của anh về cuộc chiến tranh trên đất nước Hiệu.. trong khi đó thì chàng loay hoay khổ sở vô cùng. Những lời nói của anh chỉ lướt thoáng qua, trơn trượt hết bên ngoài tai Hiệu. Chúng không để lại nơi tâm trí chàng một ý niệm nào. Chàng làm bộ chăm chú nghe, nhưng lén quan sát anh bạn. Từ dáng người cao lớn, vạm vỡ; từ cách nói năng tự nhiên, thoải mái,

cả từ một cái nhún vai, lắc đầu, chặc lưỡi.. của anh thấy như bày ra trước Hiệu một vẻ xa cách, lạ lẫm vô cùng. Chúng toát ra những nét tự do, phóng túng, mà không số sàng, thô lậu. Hiệu nhìn anh ta và chàng đâm ra ngượng ngùng, lúng túng. Anh càng tự nhiên, chàng càng lúng túng. Chàng thấy mình như mỗi lúc mỗi co rút lại một cách thảm hại. Hiệu ngồi vừa uống lai rai vài hớp rượu, nhìn lơ đãng ra mặt con sông phía sau anh bạn, theo dõi vu vơ những cánh buồm lướt êm trên mặt nước, những ngọn đèn nhấp nháy trên boong tàu, phía ngoài xa... vừa tự trấn át, kiềm chế nỗi khổ sở trong lòng. Chàng thấy mình vô lý, nhưng chàng kẹt cứng trong cái vô lý của mình. Giữa những tiếng nói chuyện rào rào nơi

các bàn ăn bốn xung quanh, tiếng nĩa, tiếng thìa (muỗng) va vào chén, đĩa; giữa những tiếng nhạc khi kích động, lúc dặt dìu, Hiệu âm thầm làm một cuộc so sánh giữa mình với anh bạn; rồi giữa anh bạn với những người anh em khác trong họn chàng. Chàng đành chịu, không thể nào hình dung nổi hình ảnh một anh bạn vác trên vai một cái va-li, một cái thùng giấy lớn gần bằng anh ta, mặt mũi bơ phờ, mồ hôi nhễ nhại. Rõ ràng là anh ta khó thể có được những giọt mồ hôi nhễ nhại... Những ý nghĩ vẫn vơ, kỳ quặc như thế đẩy chàng ra xa câu chuyện; khiến chàng không bắt kịp những lời anh ta đang nói: chàng hoàn toàn thụ động. Từ đầu tới cuối, chàng chỉ đuổi theo anh bạn; chàng bị anh ta lôi đi, dẫn

dắt. Do đó, câu chuyện hóa thành vô duyên, tẻ nhạt. Chàng hết hứng.

Về phía anh ta. Anh ta dường như không quan tâm, chú ý đến vẻ hững hờ của Hiệu. Anh vẫn tỏ ra ôn tồn, lịch thiệp. Có lẽ quá lịch thiệp. Càng lúc anh bạn nói càng nhiều và càng tỏ ra hào hoa, lịch lãm: anh ta không nản chí. Đến một lúc, Hiệu bỗng ý thức rõ ràng, cái vẻ lịch lãm, ôn tồn, lễ độ của anh nó làm cho anh khác Hiệu; nó nhắc anh ra xa Hiệu. Nó không giúp chàng gần lại anh ta. Trái lại, nó bắt chàng đứng lại ở đúng vị trí của chàng. Nó như là một khoảng cách an toàn, cầm giữ, không cho chàng nhích lại gần. Nó cấm đoán mọi hình thức có thể đưa tới thân mật, sàm sỡ. Chưa bao giờ bằng

lúc này, chàng thấy một cái mũi lõ, một cặp mắt xanh lại mang cái tầm quan trọng lớn lao đến thế.

Hôm đó về phòng, chàng nằm kiểm điểm, ôn lại tất cả những lời nói, cử chỉ của mình, của anh bạn, từ đầu tới cuối bữa tiệc. Chàng âm thầm soát lại từng chi tiết nhỏ nhất trên nét mặt, trong ánh mắt anh bạn nhìn mình. Đến chỗ nào đáng ngờ, chàng dừng hẳn lại, mần mò, nghiền ngẫm; chàng lật qua lật lại, soi mói, vạch vòi...

Cuối cùng, Hiệu bỗng nảy ra trong lòng một nỗi lo ngại: anh bạn đã dám thấy được thái độ e dè, lúng túng của chàng rồi lắm! Dám lắm! Không khéo anh ta còn dám thấy cả những nỗi khổ sở ngấm ngầm

trong lòng chàng nữa. Thế này thì quá tệ! Ngu dần quá mức! Hiệu tự giận, tự trách mình. Chàng không thể nào tha thứ cho cái tự ti mặc cảm vô lý, bệnh hoạn của mình. Nó có thể gây hiểu lầm nơi anh bạn. Tệ hơn nữa, nó còn có thể khiến anh có những nhận xét sai lạc về một giống nòi. Quan hệ lắm chứ?! Bộ tưởng chơi sao! Nguy quá!... Cứ thế, Hiệu suy diễn lung tung. Chàng quần quanh, bối rối trong nỗi ân hận của mình. Mỗi bước suy diễn chàng mỗi tiến sâu vào mỗi bản khoăn, thắc thỏm. Chàng thấy mình đáng ghét.

Những cảm nghĩ đó ám ảnh chàng hoài, bám riết lấy chàng gần như suốt đêm hôm ấy. Mãi đến bốn, năm giờ sáng chàng mới chợp

mắt, ngủ quên đi được. Và trong giấc ngủ chập chờn, Hiệu mơ một giấc mơ kỳ quặc: chàng thấy mình có hai con mắt màu xanh, và một cái mũi vừa cao vừa nhọn, ở đầu lại hơi hếch lên chút xíu. Đến khi giật mình tỉnh dậy, trong phút bàng hoàng, Hiệu hốt hoảng đưa tay lên mặt. Và chỉ sau khi rờ rẫm một hồi, chàng mới thực sự yên tâm.

Bữa nay Hiệu lại cũng tìm ra được một điều để cho phép mình yên tâm, vững bụng. Chàng tự bằng lòng: từ hôm sang đây, chàng đã không hề dính dáng mảy may gì đến chuyện buôn chuyện bán. Phải như vậy chẳng mới có cơ để tự tha thứ cho tính lười biếng của mình: Ít ra lâu lâu nó cũng làm được một điều hữu ích.

Cánh cửa sổ đập vào khung liên tiếp ba, bốn cái liền. Hiệu hết còn ngờ vực: vừa rồi, gió đã làm chàng tỉnh dậy. (Mọi buổi tối, sau khi cuộc chuyện trò chấm dứt, trước lúc vào phòng, bao giờ Hiệu cũng nhớ đóng cửa sổ. Tối nay chàng bỏ cuộc nửa chừng, quên lửng một thói quen). Chàng đổi thế nằm, xoay nghiêng người, quay mặt vào trong, cố ngủ lại. Chàng nhắm mắt mà trong lòng mơ hồ hồi hộp, đón đợi những tiếng cửa đập tiếp theo. Chàng chuẩn bị trước một cái giật mình. Bên ngoài. gió chạy ào ào từng đợt trên mái nhà, trong dãy hành lang. Những lùm cây đảo

qua, lắc lại, rào rào, nghe như trời đang mưa lớn. Hiệu tự khó chịu về nỗi hồi hộp của mình. Nó làm tinh thần chàng căng ra, khó ngủ. Thế nhưng, chàng vẫn nằm yên, ngại trở dậy. Chỉ cần bước mấy bước, ra khép cửa là chàng có thể yên tâm, tha hồ ngủ tiếp, khỏi lo bị khua rộn thành linh. Vậy mà chàng thấy khó khăn, vất vả nghĩ đến sự phải chui ra khỏi mền, giẫm chân trên lớp đá hoa lạnh ngắt vào giữa lúc này, chàng phát ớn. Giấc ngủ nửa chừng luẩn quẩn trong hai con mắt, như một sức nặng đè chàng dấn xuống mặt giường. Giấc ngủ nửa chừng sao lại có vẻ liên quan, thân thuộc với sự lười biếng! Hiệu đoán, có lẽ mình mới ngủ được vài tiếng đồng hồ: Hai mắt chàng cay sè, đầy cộm. Giá tinh thần chàng cứ lịm thiếp đi

cũng còn dễ chịu. Đẳng này, nó lại tỉnh táo. Mỗi lúc mỗi thêm tỉnh táo. Chàng tự biết, như thế là giấc ngủ đã lãng xa rồi, khó kêu nó trở lại. Chàng tuyệt vọng, đành mở mắt. Trời về khuya, gầy gầy lạnh. Thời tiết giống như trên tỉnh Đà Lạt bên nhà. Hiệu bỗng thèm được ngồi bên cạnh một phin café, nhìn nó rỏ từng giọt, thật chậm, xuống cái ly thủy tinh trong vắt, ngâm trong bát nước sôi. Chàng pha trong óc một ly café đen quánh, một ly café đặc tới nỗi tưởng chừng nó sắp đông lại... Một ly café như thế hẳn nhiên không thể bị uống một cách vội vàng, hấp tấp. Phải nhấp từng hớp nhỏ, đợi nó ngấm vào vị giác từ từ; đợi nó nhập qua cổ họng, ung dung, thông thả. Và phải cho nó kết duyên với một... Hiệu

nhoài người, với bao thuốc trên mặt bàn, rút một điếu, đánh diêm châm, hút. Làn khói ấm đầu tiên búi búi trong cổ họng. Chàng bất giác rửa thầm: “Mẹ! Vậy mà không có cà phê! Thành phố chó gì, toàn uống cà phê pha sẵn! Chưa như cứt măn! Thua việt-na-mi là cái chắc!” Chàng mỉm cười một mình, nhìn sang giường bên cạnh: Anh bạn vẫn ngủ ngon lành. Hai giường quá gần nhau, chàng nghe rõ tiếng anh bạn thở đều đều. Ngọn đèn nhỏ xíu gắn trên tường tỏa ra một vòng ánh sáng tròn, hẹp. Càng xa, ánh sáng càng nhạt dần. Đáng nằm hơi nghiêng, mặt hướng về phía Hiệu. Đầu anh ta trật khỏi gối, ngoẹo qua một bên, tóc tai lòa xòa, lởm chởm. Một bàn tay anh ta lót hững hờ dưới má. Cái lưng trần, phơi ra

ngoài tấm chăn xô lệch, gần tuột khỏi người. Không có cặp kính trắng, trông anh lạ hẳn, có vẻ ngây thơ, hơi khờ dại, Mọi nét hăng say; mọi tức tối, hằn học; mọi biểu lộ quá mức trên mặt anh ta, bây giờ hoàn toàn biến mất: Đứng lại trở thành dễ thương, hiền lành, chân thật. Nhớ lại những lời hẳn nói, lúc chập tối, về ông Sửu, chàng thốt nhiên buồn cười, chửi thầm trong óc: “Cái thằng vô tâm đến thế là cùng! Mẹ kiếp! Ông ấy dám đang nằm mơ thấy tiên lắm ạ!”

Gió bên ngoài thỉnh thoảng nổi mạnh hơn. Cánh cửa sổ lại đập liên tiếp vào tường. Lần này cả hai cánh thay nhau đập, tiếng kêu chát chúa. Thế này thì hết còn « lì » được nữa. Hiệu đành tung chăn, ngồi dậy, đi

ra đóng cửa. Luôn tiện, chàng băng qua khoảng sân hẹp, sang dãy nhà thấp dùng làm toilet. Lúc trở về, chàng hoàn toàn tỉnh hẳn. Đã quen với cái lạnh, chàng hết ngại, dừng lại, đứng vờ vẫn ngoài hành lang, bên bức tường thấp, ngay cửa phòng mình. Chàng dụi tắt mẩu thuốc, vò nát, ném tản mát ra xa. Gió đã dịu bớt, nhưng trời vẫn lạnh. Cây gạo cao lớn, đứng sừng sững phía cuối sân, xòe những cành lá xum xuê, che lấp ánh đèn từ khu nhà ăn hắt lại. Bóng tàn cây đong đưa qua lại, lặng lẽ, nhẹ nhàng ở một góc sân trông như tảng mây đen, lớn. Những dãy nhà gạch, một tầng, chìm trong một lớp ánh sáng mờ mờ, hơi đục. Không phòng nào còn để đèn; cửa ra vào khép kín. Lòng hành lang sâu thẳm, im lìm,

gọi cho Hiệu cảm giác bơ vơ, hiu hắt. Trong đêm vắng, khoảng sân như rộng thêm ra; dãy hành lang cũng như được nối dài thêm chút đỉnh. Cảnh vật mang một bộ mặt nghiêm trang, bí mật. Đây đó, nơi góc tường, cạnh gốc cây, dưới chân cột... thấy như cùng toát ra một nỗi buồn vu vơ, lạnh lẽo. Cách chỗ Hiệu đứng chừng mười thước, về phía tay mặt, là nơi hồi tối bọn chàng tụ họp. Bây giờ chỗ đó trống trơn. Hiệu nhìn cây cột xi măng màu trắng mà chàng thường đứng dựa lưng trong khi trò chuyện, chàng thăm hiểu, rồi đây, khi đã trở lại quê nhà, khó lòng chàng quên nó được: cây cột vô tri bỗng dựng hắt vào lòng Hiệu một nỗi buồn ngùi, một sợi buồn thoáng nhẹ. Chàng ngạc nhiên, tự hỏi: "Mình lại cũng

có lúc vẫn vợ, lãng mạng đến thế này sao?"

Từ mạn đường cái, tí dưới chân đồi, bỗng vẳng lên tiếng xe hơi lướt nhanh, mất hút. Tiếng động cơ thỉnh thoảng hiện ra, biến mất, lại như muốn làm cho sự tĩnh mịch trong đêm càng thêm tĩnh mịch. Nó gợi nhắc đến chiều rộng mênh mông của niềm hoang vắng. Hiệu như « nghe » được rõ ràng cái sự im lặng bao la dàn trải quanh mình. Chàng bỗng nhận ra, đã từ lâu lắm, từ hồi còn nhỏ cũng nên, chàng không bắt gặp một đêm quá sức bình yên, phẳng lặng thế này. Không. Không hề bao giờ chàng bắt gặp. Hiệu đâm ra ngơ ngác, bàng hoàng. Chàng hoang mang, xao xuyến. Như người

tình cờ chợt khám phá ra một sắc thái mới của cuộc đời mình, khác hẳn với cái sắc thái mà mình vẫn sống. Thế này cũng là một sắc thái mới chứ sao: một đêm thanh vắng, chẳng có chuyện gì, tự dưng tỉnh dậy, buộc phải đối diện với cái lặng thinh bát ngát quanh mình. Một đêm như thế đâu đã xảy ra trong cuộc đời chàng? Nó đâu đã từng xuất hiện ở trước mắt chàng? Vậy thì nó hẳn phải là một điều mới chứ. Từ xưa đến nay, mặc dầu đã sống gần nửa đời mình, đã đi gần như hầu hết mọi nơi trên đất nước mình, chàng vẫn chưa từng được gặp đêm nào quá ư an lành, êm ả thế này; êm ả tới nỗi, tưởng chừng, mỗi cử động nhỏ của mình đều phải giữ gìn, gượng nhẹ, nếu không, có thể đụng nhằm phải nó;

nó sẽ la lên... Tưởng tượng một đêm tối biết la lên. Eo ôi! Chàng chưa từng gặp! Đêm tối của chàng, hoàn toàn khác hẳn, Đêm tối của chàng thì chưa bao giờ an lành, êm ả. Trong cái chuỗi đêm lê thê, dài đặc đã từng lũ lượt diễn qua trong cuộc đời chàng, Hiệu không thể nào nhặt được một đêm an lành, êm ả. Đêm của chàng đầy đặc những nỗi lo âu; đầy đặc những nỗi bồn chồn, khoắc khoải. Đêm của chàng luôn luôn có những bất trắc, hiểm nghèo thường xuyên rình chờ, quanh quẩn, kề cận bên mình. Nỗi bất trắc núp dưới lùm cây, sau mô đất nhỏ, trên một lối đi bé xiu, ngòng ngoèo, lượn khuất quanh co giữa những khóm tre, bụi rúra, gần lẫn vào đám cỏ dại xanh tốt hai bên. Trong đêm tối, bất cứ cái gì, ở bất

cứ đâu cũng đều hàm chứa những nỗi hiểm nghèo, những điều trọng đại. Ngay đến cả sự lặng thinh lại cũng nói lên ý nghĩa bất thường, trọng đại: lặng thinh chỉ là giai đoạn ngừng nghỉ tạm thời, chuẩn bị cho một chuyện gì ghê gớm sắp xảy ra. Như thế, đêm tối của chàng, tự nó đã là nguy hiểm; tự nó đã đủ nói lên nỗi trọng đại rồi.

Hồi ở bên nhà, những đêm không đi hành quân, đi kích, được nghỉ tại trại, Hiệu thường nằm ngủ trên chiếc ghế bố kê sát chân tường, ngay dưới một khuôn cửa sổ. Giấc ngủ của chàng rất hiếm khi nào nguyên lành, trọn vẹn. Nó bị xé toạc ra thành nhiều mảnh, cách quãng không đều. Đêm nào cũng vậy. Và mỗi đêm chàng mỗi giật

mình choàng tỉnh vì mỗi nguyên cơ khác nhau. Giác quan của chàng cũng phải trực tiếp đối đầu với những diễn biến khác nhau xảy ra quanh chỗ chàng nằm. Có đêm, lúc chàng choàng tỉnh, bên tai đầy tiếng pháo binh lớn nhỏ, bùng lên tới tấp, vang rền. Tiếng những quả đạn rít trong không khí, chàng nghe rõ rệt tưởng chừng chúng sắp rớt ngay xuống chỗ chàng nằm. Lúc đó, nhìn qua cửa sổ, chàng thấy từng trái hỏa châu lóa lên, sáng rực. Chúng rớt lặng lẽ, từ từ. Trái này sắp tắt, thành lình, lại nổ ra một trái khác tiếp theo. Cứ thế liên tiếp không ngừng. Cả một nền trời vàng hoe, rực rỡ. Ánh sáng soi rõ từng mái nhà tôn im lìm trong trại; soi rõ từng chiếc hố cá nhân nằm sát hàng rào; và soi

rõ cả đến những hòn đá con, ngổn ngang lổm chổm trên mặt khoảng sân đất đỏ. Một mảng ánh sáng lọt qua cửa sổ, ngả xuống đỉnh màn, vàng tươi như tấm lụa mỏng. Tấm lụa mỗi lúc mỗi nhạt dần; đến khi gần mất, lại chợt vàng tươi trở lại. Thế này là ắt có cuộc đụng độ đâu đây. Chắc là đụng lớn: gà cồ đã gáy, không phải chuyện thường. Nằm trên ghế bố, Hiệu vừa theo dõi những trái hỏa châu, vừa lắng tai, nghe ngóng; hồi hộp chờ một loạt kèn báo động, tiếng keng của toán lính canh... Trong khi đó, gió vẫn thổi rì rào trên mái nhà, làm phe phẩy một tấm tôn đã cũ. Từ phía làng xa, vẳng lên những tiếng chó sủa vu vơ, mơ hồ, náo nức... Có đêm, một chiếc phản lực bất ngờ lướt qua làm chàng bừng tỉnh. Khi

chàng định thần lại được thì chiếc phản lực đã vút xa rồi. Tiếng máy rền rền, nhỏ dần, yếu ớt, cuối cùng mất hút ở tận cuối trời. Không gian lặng im trở lại. Hiệu nhìn vơ vẩn ra ngoài: qua lá màn, bên kia cửa sổ. títt đằng xa, một chấm đèn đỏ của chiếc trực thăng chớp sáng, chớp sáng liên hồi, di chuyển lặng câm, buồn bã giữa cái bát ngát bao la của nền trời đêm đen thẫm. Phải cố lắng tai, lâu lâu Hiệu mới bắt được tiếng máy trực thăng mơ hồ vẳng lại...

Như vậy, từ trước đến nay, kiểm điểm lại, rõ ràng Hiệu chưa có được một đêm an lành, êm ả, Đêm đêm, lượn lờ, lảng vảng chung quanh giấc ngủ của chàng toàn là những trái hỏa châu; những tiếng

pháo binh lớn nhỏ; những chấm đèn chớp, sáng...

Thế nhưng, những đêm như thế, hồi ở bên nhà, chàng vẫn cứ cho nó là êm ả: chưa phải trực tiếp đón những làn đạn không rõ từ đâu, lao tới phía mình; chưa phải hướng súng ra phía hàng rào, bóp cò lia lịa để chống một cuộc tấn công, chưa phải bỏ nhà xuống hố tránh đợt pháo kích bất ngờ; còn được nằm yên trên tấm ghế bố của mình, bình tâm nghe tiếng đại bác từ đơn vị mình bắn đi đâu đó; theo dõi chiến cuộc diễn tiến quanh mình... như thế cũng cứ nên coi nó là êm ả. Được chứ? Sao không?

Hiệu nhìn lơ đãng những chiếc lá gạo rớt nằm đây đó dưới mặt

sân, trên thảm cỏ, tần mẩn hỏi lại lòng mình. Chàng lấy làm lạ ở bên nhà, sống trong những đêm như thế, kề sát với những đe dọa quanh mình thì chàng cho là êm ả. Giờ đây, đứng giữa một nơi thực sự bình an, im ắng thế này, sao chàng lại vẫn không sao có được một sự yên ổn trong lòng? Tuồng như trong khoảng không gian êm tĩnh ở đây thiếu mất cái gì không thể nào tìm ra được. Hiệu âm phân vân, nghi ngại, không biết nên gọi cái sự im lặng trong những đêm ở bên nhà, hay sự im lặng giờ đây, là một sự kiện bất thường, một điều hiếm thấy?

Trong đêm vắng, chỉ có mình mình đối diện với nỗi lặng thình thịch của đất nước người,

chàng bỗng cảm nghe lòng mình buồn bã, nghe như từ một chỗ nào sâu kín tận đáy hồn mình, vẳng lên một tiếng gọi thầm, tiếng gọi mơ hồ, vu vơ, chấp chới mà thật thiết tha, khắc khoải vô cùng. Lần đầu tiên, từ mấy tuần nay, Hiệu chợt ý thức rõ ràng: mọi thứ ở đây đúng là hoàn toàn xa lạ, đúng là chẳng có lấy một cón con thân thuộc với mình. Những con đường, những khu phố, những người, những cảnh... xa lạ đã đành. Đằng này, xa lạ cả đến một niềm êm ả, xa lạ cả đến một cái lý do làm mình thức tỉnh trong đêm. Ở bên nhà, mỗi lần bừng tỉnh là mỗi có một lý do đường hoàng, chính đáng: tiếng súng nổ rất bên tai; tiếng phản lực rít trên đầu; bị địch tấn công, pháo kích v.v... Trong khi đó, ở đây, lý

do, ôi chao, sao mà nghèo nàn, vô vị: giật mình choàng tỉnh lại chỉ là vì một làn gió lướt quanh nhà; vì một cánh cửa quên không khép lại! “Choàng tỉnh” ở đây thành ra mất đi rất nhiều ý nghĩa; trở nên không được nghiêm trang, chừng chặc. “Choàng tỉnh” chỉ như là một hành động rờn chơi, đùa cợt vậ thôi, không có gì bắt buộc. Lâu lâu buồn tình, rất nên “choàng tỉnh”.

Như vậy là đã rõ ràng, mọi nét ở đây thấy đều xa lạ; đều nhắc nhở chàng cảm giác bơ vơ; đều bảo cho chàng thấy chàng đơn độc. Hiệu bỗng giật mình: tại sao mãi đến bây giờ chàng mới nhận ra? Tại sao phải đợi đến lúc đứng trong đêm vắng một mình, chàng mới thấy mình bơ vơ, đơn độc?

Ban ngày, giữa một nhịp sống xô bồ, rối tinh, nồn nả, chàng bị cuộc sống quanh mình lôi đi, cuốn mất. Chàng không kiểm soát nổi chàng. Tâm hồn chàng không có được một phút rảnh rang thư thả để ngó lại mình. Đến khi có dịp nó mới nhận ra: còn có vô số những điều cần phải chăm nom, săn sóc. Chàng như một người ngày đêm mê mải trong cuộc đở đên, không màng gì đến chuyện ăn, chuyện ngủ. Đến khi đám bạc tan rồi, phủi tay đứng dậy mới sực nhận ra, bụng đói cồn cào, toàn thân mệt mỏi. Lúc đó mới cảm thấy cần một bát cơm nguội, một chỗ ngả lưng: thể xác nó tự vùng lên, đòi hỏi đến những nhu cầu của nó.

Tâm hồn của Hiệu bữa nay lại cũng vùng lên đòi hỏi đến những nhu cầu? Nó mà cũng có nhu cầu? Nhu cầu của nó là những cái gì? Nhu cầu của nó không lẽ lại là một trái hỏa châu; một chấm đèn đỏ; một tiếng đại bác xé rách nền trời? Nhu cầu của nó không lẽ lại là những cái nhảm nhí, tầm thường, đáng khinh như vậy? Những cái đó chúng đâu có gì gần gũi với lại tiếng nói, tiếng cười, làn môi khoe mắt của Quỳnh? Chúng đâu có gì gần gũi những sợi tóc trắng bắt đầu điểm trên mái tóc mẹ chẳng? Chúng đâu thể nào thân thuộc với cặp kính trắng, những vết nhăn nheo ở trên nét mặt cha chàng? Vậy thì nhu cầu của nó ắt hẳn phải là cái gì lớn lao, trọng đại. Cái gì? Ngôi nhà mà trong đó cha mẹ, anh

em, thân bằng quyến thuộc của chàng đang sống đó chăng? Là những hang cùng ngõ hẻm, những nơi chàng đã qua chăng? Hay lại chỉ là những tiếng nô đùa, những tiếng chửi thề của người lân bang, lối xóm?...

Đứng trong đêm vắng, một mình, loay hoay, mò mẫm giữa những đòi hỏi ngấm ngầm, dằng dai, âm ỉ, Hiệu nghe trong lòng hoang mang, ngờ vực: một trái hỏa châu; một tiếng súng nổ, tệ hơn nữa, một tiếng chửi thề của bà hàng xóm, không ngờ lại cũng có lúc tâm hồn của mình muốn xem như là những điều trọng đại. Chúng mà trọng đại? Láo lếu, hồ đồ, khả nghi hết sức.

Và trong đêm vắng, một mình, chàng nghe tiếng mình rửa thềm trong trí: “Cái tâm hồn này, hão huyền, vớ vẩn! Mẹ! Đáng đánh đòn!”

(9-9-1969)





